

Số: 30 /ĐA-CĐBP

Bình Phước, ngày 21 tháng 1 năm 2025

ĐỀ ÁN

Tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2025

I. Thông tin chung về trường

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Cao đẳng Bình Phước

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-LĐTBXH ngày 11/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Phước, Trường Cao đẳng Y tế Bình Phước vào Trường Cao đẳng nghề Bình Phước và đổi tên thành Trường Cao đẳng Bình Phước.

2. Mã trường: C43.

3. Địa chỉ: số 899 - QL 14 - Phường Tân Bình - Thành phố Đồng Xoài - Tỉnh Bình Phước- điện thoại: 02713.881.236.

4. Website: www.cdbp.edu.vn.

5. địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):
<https://facebook.com/tuyensinhcdbp>. [Zalo.me/caodangbinhphuoc](https://zalo.me/caodangbinhphuoc)

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02713.881.236.

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp năm 2024.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Lĩnh vực đào tạo GV/Giáo dục mầm non	Cao đẳng	48	51	32	100%
Tổng		48	51	32	

8. Thông tin tuyển sinh chính quy 2 năm gần nhất

- Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT: www.cdbp.edu.vn

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

Năm 2023 và 2024: Trường tuyển sinh kết hợp 2 phương thức:

+ Phương thức 1: Xét tuyển căn cứ kết quả của thi THPT Quốc gia kết hợp với thi tuyển năng khiếu.

+ Phương thức 2: Xét căn cứ kết quả học tập ở bậc THPT với thi tuyển năng khiếu.



8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT)

Nhóm ngành/Ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024		
		Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành I Ngành: Giáo dục Mầm non Tổ hợp: M00; M05; M07	Kết hợp kết quả thi TN THPT, kết hợp kết quả học tập cấp THPT và thi năng khiếu	63	70	19.25	48	51	21.75
Tổng		63	70	19.25	48	51	21.75

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo: Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: www.cdbp.edu.vn

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyên mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.	Giáo dục mầm non	51140201	762/QĐ-BGDĐT-ĐH&SĐH	18/02/2004			Bộ Giáo dục và Đào tạo	2008	2024

10. Điều kiện đảm bảo chất lượng

10.1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2024 (Người học)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
1	Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm Non		
1.1	Cao đẳng chính quy		
1.2	Chính quy	51140201	137

10.2. **Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:**

Tổng diện tích đất của trường: **18,6 ha.**

Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường: **9.528 m².**

Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): **1056 chỗ ở cho sinh viên.**

Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị:

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành tin học	Máy vi tính, máy chiếu
2	Phòng thí nghiệm lý, hóa, sinh	Các bộ thí nghiệm
3	Phòng tập đa năng	Loa đài, dụng cụ tập luyện
4	Phòng học nhạc	Đàn, các dụng cụ âm nhạc

Thống kê phòng học:

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02
2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	01
3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	04
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	28
5	Số phòng học đa phương tiện	5

Thống kê về học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện:

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành I	76000 cuốn

Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non:

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
						Tên ngành cao đẳng
1	Nguyễn Nam Trung			Th.S	QLGD	Giáo dục mầm non
2	Nguyễn Thanh Tùng			Th.S	QLGD	x
3	Hoàng Thị Mỹ Sen			Th.S	Văn học	x
4	Nguyễn Thị Mỹ Nhân			Th.S	Văn học	x
5	Nguyễn Văn Dũng			Th.S	Văn học	x
6	Nguyễn Thị Nguyệt Minh			Th.S	Văn học	x

7	Nguyễn Tiến Hùng			Th.S	Vật lý	x
8	Nguyễn Đức Toàn			Th.S	CNTT	x
9	Nguyễn Văn Sơn			Th.S	CNTT	x
10	Nguyễn Bích Liên			Th.S	Sinh học	x
11	Phạm Thị Lan			Th.S	Sinh học	x
12	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm			Th.S	Mầm non	x
13	Nguyễn Thị Thùy Hương			Th.S	Mầm non	x
14	Trần Thị Hồng Thắm			Th.S	Mầm non	x
15	Bùi Thị Hải			Th.S	QLGD	x
16	Phùng Thị Phương Ngọc			Th.S	Mầm non	x
17	Phạm Thị Kim Ngân			Th.S	Mầm non	x
18	Lê Thị Thủy			Th.S	Triết học	x
19	Nguyễn Thị Hải			Th.S	Chính trị	x
20	Vũ Thị Lan Anh			Th.S	Tâm lý GD	x
21	Uông Thị Lê Na			T.S	Tâm lý GD	x
22	Hồ Thị Phương Dung			Th.S	Tâm lý GD	x
23	Nguyễn Thị Trúc Ly			Th.S	Tâm lý GD	x
24	Nguyễn Thị Thoa			ĐH	Tâm lý GD	x
25	Nguyễn Quỳnh Dung			Th.S	Tâm lý GD	x
26	Huỳnh Hương			Th.S	Mỹ thuật	x
27	Nguyễn Hữu Đa Toàn			ĐH	Mỹ thuật	x
28	Lê Quý Sinh			Th.S	Địa lý	x
29	Phạm Thị Minh Thu			Th.S	SP kỹ thuật	x
30	Nguyễn Thanh Đại			ĐH	Chính trị	x
31	Võ Văn Tình			Th.S	Chính trị	x
32	Nguyễn Văn Thành			Th.S	Chính trị	x
33	Cao Thị Hồng Lĩnh			Th.S	Nhạc	x
34	Nguyễn Tiến Chương			Th.S	GDTC	x
35	Lê Văn Phú			ĐH	GDQP	x
36	Trần Hoàn			Th.S	GDTC	x
37	Trịnh Thanh Hiền			Th.S	Anh văn	x
38	Trần Đào Linh Trang			ĐH	Anh văn	x
39	Hồ Kim Nhi			Th.S	Anh văn	x
40	Trần Thị Giang			ĐH	Anh văn	x
Tổng giảng viên tham gia Giảng dạy Mầm non				40		

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT: www.cdbp.edu.vn

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: www.cdbp.edu.vn

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức

thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: www.cdbp.edu.vn

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: www.cdbp.edu.vn

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy cao đẳng (ngành Giáo dục Mầm non)

1.1. Đối tượng tuyển sinh

- Học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên).

- Các thí sinh thuộc diện được tuyển thẳng cần làm hồ sơ xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trên phạm vi cả nước

1.3. Phương thức tuyển sinh

Năm 2025, Trường thực hiện tuyển sinh theo 2 phương thức:

- *Phương thức 1:* Xét tuyển căn cứ kết quả thi THPT năm 2025 (Đối với ngành Giáo dục mầm non xét 03 tổ hợp, M00 (Ngữ văn, Toán và môn năng khiếu); M05 (Ngữ Văn, Địa lý và môn năng khiếu); M07 (Ngữ Văn, Lịch sử và môn năng khiếu). Môn năng khiếu do Trường tổ chức thi, môn năng khiếu từ 5,00 trở lên).

- *Phương thức 2:* Xét tuyển căn cứ trên kết quả học tập (học bạ) THPT từ 2025 trở về trước, cụ thể như sau: Xét tuyển từ kết quả học tập của môn Ngữ văn, Toán và môn năng khiếu; Ngữ văn, Địa lý và môn năng khiếu; Ngữ văn, Lịch sử và môn năng khiếu. Môn năng khiếu do Trường tổ chức thi (**Lưu ý kết quả học tập lớp 12 phải đạt loại khá trở lên, điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 và môn năng khiếu từ 5,00 trở lên**).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Cao đẳng	51140201	Giáo dục mầm non	406	Xét kết quả học bạ	24	M00 (Ngữ văn, Toán, Năng khiếu)		M05 (Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu)		M07 (Ngữ Văn, Lịch sử, Năng khiếu)	

2	Cao đẳng	51140201	Giáo dục mầm non	405	Xét kết quả thi tốt nghiệp	24	M00 (Ngữ văn, Toán, Năng khiếu)	M05 (Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu)	M07 (Ngữ Văn, Lịch sử, Năng khiếu)
---	----------	----------	------------------	-----	----------------------------	----	---------------------------------	-----------------------------------	------------------------------------

1.5. Ngưỡng đầu vào.

Thí sinh đăng ký xét tuyển dựa trên kết quả học tập lớp 12 THPT: Thí sinh trúng tuyển phải đảm bảo điều kiện tốt nghiệp THPT có học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

Thí sinh đăng ký xét tuyển dựa trên kết quả thi Tốt nghiệp THPT: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT năm 2025 kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu như sau:

+ Điểm xét tuyển là tổng điểm 02 môn thi THPT năm 2025 (theo tổ hợp môn đăng kí xét tuyển) với điểm thi năng khiếu do Trường Cao đẳng Bình Phước tổ chức cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$$Đ_{XT} = Đ_{M1} + Đ_{M2} + Đ_{NK} + Đ_{UT}$$

Trong đó:

$Đ_{XT}$: Điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

$Đ_{M1}, Đ_{M2}$: Điểm bài thi/môn thi thứ nhất, thứ hai theo tổ hợp xét tuyển;

$Đ_{NK}$: Điểm môn thi năng khiếu do Trường Cao đẳng Bình Phước tổ chức;

$Đ_{UT}$: Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 THPT kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu như sau:

+ Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình môn học của 02 môn học lớp 12 THPT (tương ứng với tổ hợp môn đăng kí xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT) với điểm thi môn năng khiếu do Trường Cao đẳng Bình Phước tổ chức cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$$Đ_{XT} = Đ_{M1} + Đ_{M2} + Đ_{NK} + Đ_{UT}$$

Trong đó:

$Đ_{XT}$: Điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

$Đ_{M1}, Đ_{M2}$: Điểm trung bình môn lớp 12 của môn học thứ nhất, thứ hai theo tổ hợp xét tuyển;

$Đ_{NK}$: Điểm môn thi năng khiếu do trường Cao đẳng Bình Phước tổ chức;

$Đ_{UT}$: Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

Môn thi năng khiếu của ngành Giáo dục Mầm non: Đọc - Kể diễn cảm, hát.

2. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối từng ngành đào tạo...

Trường nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/03/2025 đến 10/07/2025. Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gián tiếp (qua bưu điện theo hình thức chuyển phát nhanh) về địa chỉ: Phòng Đào tạo, NCKH&HTQT Trường Cao đẳng Bình Phước - Số 899 - Quốc lộ 14 - phường Tân Bình - Tp. Đồng Xoài - tỉnh Bình Phước, điện thoại 02713.881.236; 0986067954 (Thầy Hồng) website: cdbp.edu.vn.

Hồ sơ xét tuyển

+ Phiếu đăng ký dự thi theo mẫu của Trường Cao đẳng Bình Phước.

+ Bản photo học bạ THPT có công chứng (*đối tượng xét tuyển bằng học bạ THPT*).

+ Bản photo bằng Tốt nghiệp THPT có công chứng (*nếu thí sinh đã tốt nghiệp các năm trước*).

+ 3 ảnh cỡ (3x4) chụp chưa quá 6 tháng so với lúc nộp hồ sơ (*ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh ở mặt sau*).

+ Phong bì đã dán tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh để trường thông báo kết quả và gọi nhập học.

Thời gian xét tuyển, thi năng khiếu và công bố kết quả:

+ Xét tuyển: **Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

+ Thi năng khiếu dự kiến: **15/07/2025**

+ Công bố kết quả xét tuyển: **Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

2.1. Chính sách ưu tiên:

1. Ưu tiên theo khu vực (theo Phụ lục I của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn

tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ;

d) Từ năm 2024, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (theo Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Từ năm 2023, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

+ Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này.}$

2.2. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 40/2015/TTLT-BTC-BGDĐT của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và đào tạo:

- Lệ phí đăng ký xét tuyển: 30.000 đồng/hồ sơ.

- Lệ phí thi năng khiếu ngành Giáo dục Mầm non: 300.000 đồng/hồ sơ (bao gồm tất cả các môn năng khiếu).

2.3. Học phí dự kiến: 11.000.000đ/năm/SV. (Mười một triệu đồng)

Các chính sách ưu đãi đối với người học:

- Chính sách miễn giảm học phí thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP về việc quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập được thực hiện theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh

viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

- Chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm được thực hiện theo Nghị định Số: 116/2020/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm (Nếu được xét chọn và thông qua).

2.4. Thông tin hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

- Website Trường: cdbp.edu.vn; điện thoại: **02713.881.236**

- Thông tin hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

Nguyễn Quỳnh Hồng, SĐT: 0986067954, Mail: quynhhong.pdt@cdbp.edu.vn

3. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm:

Xét tuyển bổ sung đợt 1: Từ ngày 01/9/2025 đến ngày 20/10/2025 (nếu còn thiếu chỉ tiêu).

4. Tài chính.

Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: Ngân sách Nhà nước cấp.

Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 11.000.000đ/SV/Năm (Mười một triệu đồng)./

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- UBND tỉnh Bình Phước;
- Sở GD&ĐT;
- Hội đồng tuyển sinh;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT.



Nguyễn Bích Liên

